TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 72/2025/QĐST-HNGĐ	*Quận 3, ngày 25 tháng 3 năm 2025.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 3 THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 149, Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 26/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Bà Lê Thị T, sinh năm 1986

Địa chỉ: Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

2. Ông Võ Hoàng S, sinh năm 1977

Địa chỉ: Lý Chính Thắng, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 7 (nay là phường Võ Thị Sáu), Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 2x, quyển số 01 cấp ngày 15/4/2014. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 01 con chung tên Võ Lê Cẩm T, sinh ngày 18/3/2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S cùng xác nhận từ đầu năm 2022 đến nay vợ chồng mâu thuẫn do tính cách, quan điểm sống khác biệt. Dù vợ chồng đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy tình cảm không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cùng yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn. Việc thuận tình ly hôn của bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Hai bên thỏa thuận giao 01 con chung là trẻ Võ Lê Cẩm T, sinh ngày 18/3/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Hoàng S có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng mỗi tháng, cho đến khi trẻ T thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi trẻ T thành niên.

[5] Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 17/3/2025, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung và việc cấp dưỡng: Giao trẻ Võ Lê Cẩm T sinh ngày 18/3/2015 cho bà Lê Thị T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Võ Hoàng S có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng mỗi tháng, cho đến khi trẻ T thành niên. Việc cấp dưỡng được thực hiện kể từ tháng 3 năm 2025 cho đến khi trẻ T thành niên.

Ông Võ Hoàng S được quyền thăm nom con và phải có nghĩa vụ chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày bà Lê Thị T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Võ Hoàng S không thực hiện hoặc chậm thực hiện cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng ông Võ Hoàng S còn phải chịu tiền lãi theo Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

- Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S phải chịu lệ phí sơ thẩm đối với yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tiền số 00595xx ngày 16/01/2025 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 3. Bà Lê Thị T và ông Võ Hoàng S đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- VKSND Q.3;
- UBND phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Q.3;
- Các đương sự;
- Lưu: V.P, hồ sơ.

THẨM PHÁN

Phạm Văn Tuấn